SỞ Y TẾ ĐẮK LẮK
TRUNG TÂM Y TẾ KRÔNG ANA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số :269 /QĐ - TTYT

Krông Ana, ngày 28 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua Hóa chất- VTYT phục vụ khám sức khỏe định kỳ và khám sàng lọc cho người dân (lần 2), Dự toán: Mua Hóa chất- VTYT phục vụ khám sức khỏe định kỳ và khám sàng lọc cho người dân năm 2026

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ KRÔNG ANA

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 06 năm 2023;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/06/2025 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công 2025;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ nghị định 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính Phủ về việc Quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023 và Nghị định số 04/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Luật Phòng bệnh số 114/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng Ngân sách Nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 05/1/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phòng bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Công văn số 4499/BYT-KHTC ngày 18/6/2026 của Bộ Y tế về việc Hướng dẫn lập dự toán chi NSNN thực hiện triển khai KSK định kỳ và khám sàng lọc miễn phí cho người dân;

Căn cứ Công văn số 5008/BYT-KCB ngày 06/7/2026 của Bộ Y tế về hướng dẫn nội dung chuyên môn khám sức khoẻ định kỳ cho người dân;

Căn cứ Quyết định số 1858/QĐ-UBND ngày 15/6/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành Kế hoạch khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc cho người dân trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026 – 2030;

Theo đề nghị của Tổ lập kế hoạch tại tờ trình số 50/TTr-TLKH ngày 26 tháng 10 năm 2026 của Tổ lập kế hoạch về việc trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua Hóa chất- VTYT phục vụ khám sức khỏe định kỳ và khám sàng lọc cho người dân (lần 2), Dự toán: Mua Hóa chất- VTYT phục vụ khám sức khỏe định kỳ và khám sàng lọc cho người dân năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua Hóa chất- VTYT phục vụ khám sức khỏe định kỳ và khám sàng lọc cho người dân, Dự toán: Mua Hóa chất- VTYT phục vụ khám sức khỏe định kỳ và khám sàng lọc cho người dân năm 2026

Giá trị phê duyệt: 366.188.118 đồng (Ba trăm sáu mươi sáu triệu, một trăm tám mươi tám ngàn, một trăm mười tám đồng). Chi tiết có phụ lục I, II kèm theo))

Điều 2. Quyết định này làm căn cứ để Tổ lập kế hoạch, tổ chuyên gia triển khai các bước tiếp theo đúng quy định tại Luật đấu thầu và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chủ đầu tư, Tổ lập kế hoạch, Tổ chuyên gia,Phòng tài chính kế toán, Trưởng khoa dược-TTB-VTYT và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu : VT,DYT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH ĐẮK LẮK
TRUNG TÂM Y TẾ KRÔNG ANA

Hồ Văn Lập

Phụ lục I

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Gói thầu: Mua Hóa chất-VTYT phục vụ khám sức khỏe định kỳ và khám sàng lọc cho người dân (lần 2), Dự toán: Mua Hóa chất- VTYT phục vụ khám sức khỏe định kỳ và khám sàng lọc cho người dân năm 2026

(Kèm theo quyết định số 269 /QĐ-TTYT ngày *28* tháng 10 năm 2026 của Trung tâm Y tế Krông Ana)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu	Nguồn Vốn	Hình thức LCNT	Thời gian tổ chức LCNT	Thời gian bắt đầu tổ chức LCNT	Loại hợp đồng	TGian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm	Giám sát hoạt động ĐT
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
1	Trung tâm y tế Krông Ana	Mua Hóa chất-VTYT phục vụ khám sức khỏe định kỳ và khám sàng lọc cho người dân(lần 2)	Mua Hóa chất-VTYT phục vụ khám sức khỏe định kỳ và khám sàng lọc cho người dân(lần 2)	366.188.118	Nguồn thu khám sức khỏe định kỳ và khám sàng lọc do ngân sách nhà nước cấp	Chào giá trực tuyến Rút gọn	10 ngày	Tháng 10-11 năm 2026	Theo đơn giá cố định	6 tháng	Không	Không
Tổng giá trị gói thầu				366.188.118 đồng (Ba trăm sáu mươi sáu triệu, một trăm tám mươi tám ngàn, một trăm mười tám đồng)								

PHỤ LỤC I

Gói thầu: Mua Hóa chất- VTYT phục vụ khám sức khỏe định kỳ và khám sàng lọc cho người dân, định kỳ và khám sàng lọc cho người dân lần 2)

Dự toán: Mua Hóa chất- VTYT phục vụ khám sức khỏe và khám sàng lọc cho người dân năm 2026

(Kèm theo Quyết định số 269 / QĐ-TTYT, ngày 28 tháng 10 năm 2026 của Trung tâm Y tế Krông Ana)

STT	Tên hóa chất	Tên thương mại	Quy cách	Thông số kỹ	ĐVT	SL Kế hoạch mua	Giá kế hoạch	Thành tiền	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Dãi giá tham khảo				
											Số TBMT	Đơn vị trúng thầu	Số Quyết định	Ngày công bố	Giá kết quả trúng thầu
1	Hóa chất định lượng Glucose	Glucose PAP	Hộp / 12x66.5ml	Định lượng Glucose trong huyết thanh và huyết tương . Thành phần: R1: PHOSPHATE Buffer pH 7.5 100 mmol/l 4-Aminoantipyrine 0.3 mmol/l Phenol 1 mmol/l Peroxidase > 1000 U/l Glucose Oxidase > 20000 U/l Dải đo: 0.01mmol/l - 28.2mmol/l (508 mg/dl). Đạt tiêu chuẩn ISO13485	Hộp	2	5,149,830	10,299,660	Glenbio	Anh	IB2600354684	Trung tâm y tế Krông Ana	191/QĐ-TTYT	14/8/2026	5,149,830
2	Hóa chất định lượng Urê	Urea	Hộp / R1:6x66ml, R2:6x43ml	Định lượng Urea trong huyết thanh và huyết tương . Thành phần: R1: TRIS Buffer pH 7.5 224.53 mmol/l KG 15.47 mmol/l ADP 0.94 mmol/l GLDH 1.5 KU/l Urease 17KU/l R2: KG 57.5 mol/l NADH 0.72 mmol/l Dải đo: 0.31mmol/l. - 60mmol/l (360 mg/dl). Đạt tiêu chuẩn ISO13485	Hộp	2	4,999,890	9,999,780	Glenbio	Anh	IB2600354684	Trung tâm y tế Krông Ana	191/QĐ-TTYT	14/8/2026	4,999,890
3	Hóa Chất định lượng Creatinin	Creatinine Jaffe	Hộp/R1: 9x65ml/ R2:9x15ml	Định lượng Creatinine trong huyết thanh, huyết tương Thành phần: R1: Alkaline Buffer 200 mmol/l R2: Picric Acid 25.0 mmol/l Dải đo: 5.2 µmol/l -2734 µmol/l (31 mg/dl) đạt tiêu chuẩn ISO13485	Hộp	2	3,697,890	7,395,780	Glenbio	Anh	IB2600354684	Trung tâm y tế Krông Ana	191/QĐ-TTYT	14/8/2026	3,697,890
4	ASAT(GOT)	Aspartate aminotransferase (AST)	Hộp / R1:6x66ml, R2:6x16.5ml	Định lượng AST trong huyết thanh và huyết tương . Thành phần: R1: TRIS Buffer pH 7.8 100 mmol/l L-Aspartate 300 mmol/l MDH ≥ 530 U/l LDH ≥ 750 U/l R2: Ketoglutarate 75 mmol/l	Hộp	2	4,999,890	9,999,780	Glenbio	Anh	IB2600354684	Trung tâm y tế Krông Ana	191/QĐ-TTYT	14/8/2026	4,999,890
5	ALAT(GPT)	Alanine aminotransferase (ALT)	Hộp / R1:6x66ml, R2:6x16.5ml	Định lượng ALT trong huyết thanh và huyết tương . Thành phần: R1: TRIS Buffer pH 7.3 125.0 mmol/l L-Alanine 625.0 mmol/l LDH 1500 U/l R2: □-Ketoglutarate 94 mmol/l NADH 0.23 mmol/l Dải đo: 3 U/l - 448 U/l (7.48 µkat/l). Đạt tiêu chuẩn ISO13485	Hộp	2	4,999,890	9,999,780	Glenbio	Anh	IB2600354684	Trung tâm y tế Krông Ana	191/QĐ-TTYT	14/8/2026	4,999,890
6	Hoá chất định lượng CHOLESTEROL	Cholesterol	Hộp / 12x65ml	Định lượng Cholesterol trong huyết thanh và huyết tương . Thành phần: R1: PIPES Buffer pH 6.9 40 mmol/l Mg2+ 2 mmol/l Phenol 2 mmol/l Peroxidase ≥100 U/l Cholesterol Esterase ≥250 U/l Cholesterol Oxidase ≥200 U/l 4-Amino-Antipyrine (4-AA) 0.05 mmol/l Dải đo: 0.04 mmol/l - 22 mmol/l (850 mg/dl). Đạt tiêu chuẩn ISO13485	Hộp	3	5,099,850	15,299,550	Glenbio	Anh	IB2600352467	TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC LẠC DƯƠNG	95/QĐ-TTYT	09/17/2026	5,099,850

7	Hoá chất định lượng URIC ACID,	Uric Acid	Hộp / R1:6x66ml, R2: 6x16ml	Định lượng Uric acid trong huyết thanh và huyết tương . Thành phần: R1: Phosphate Buffer pH 7.5 150 mmol/l TOOS* 1.51 mmol/l Ascorbate Oxidase 5000 U/l Potassium Ferocyanide 0.024 mmol/l R2: Phosphate Buffer pH 7.5 150 mmol/l 4 – Aminophenazone 3.84 mmol/l Peroxidase 5000 U/l Uricase 1800 U/l Dải đo: 1 µmol/l. - 1442 mol/l (24.4 mg/dl).. Đạt tiêu chuẩn ISO13485	Hộp	2	4,799,970	9,599,940	Glenbio	Anh	IB2600352467	TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC LẠC DƯƠNG	95/QĐ-TTYT	09/17/2026	4,799,970
8	Hoá chất định lượng TRIGYLCERIDES,	Triglycerides	Hộp /12x65ml	Định lượng Triglycerides trong huyết thanh và huyết tương . Thành phần: R1: PIPES Buffer pH 7.0 43.6 mmol/l 4 Chlorophenol 5.45 mmol/l LPL ≥1500 U/l POD ≥500 U/l Glycero-3-phos.Oxidase ≥3000 U/l Glycerokinase ≥500 U/l 4-Amino-Antipyrine 0.3 mmol/l ATP 1.65 mmol/l Mg2+ 4.66 mmol/l Dải đo: 0.02mmol/l. -11.0mmol/l (974 mg/dl). Đạt tiêu chuẩn ISO13485	Hộp	3	7,699,860	23,099,580	Glenbio	Anh	IB2600352467	TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC LẠC DƯƠNG	95/QĐ-TTYT	09/17/2026	7,699,860
9	Dung dịch ly giải hồng cầu	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm huyết học	5 lít/hộp	Chức năng: Là thuốc thử ly giải, dùng để đếm và định cỡ tế bào, sử dụng tương thích cho máy xét nghiệm huyết học Swelab Alfa		15	6,550,000	98,250,000	Boule Medical AB	Thụy Điển	IB2600354684	Trung tâm y tế Krông Ana	0174/QĐ-TYYT	21/7/2026	6,550,000
10	Hóa chất pha loãng máu	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm huyết học	20 lít/thùng	Chức năng: Là chất pha loãng máu dùng cho việc đếm và định cỡ tế bào, sử dụng tương thích cho máy xét nghiệm huyết học Swelab Alfa	Thụy Điển	15	6,000,000	90,000,000	Boule Medical AB	Thụy Điển	IB2600354684	Trung tâm y tế Krông Ana	0174/QĐ-TYYT	21/7/2026	6,000,000
11	Giấy điện tim 6 cần	Giấy điện tim 110 mm x 20m	Cuộn	Kích thước: 110mmx20m (dạng cuộn) - Sọc lưới: cam, đỏ,…. Dùng cho máy điện tim 6 cần CONTEC	cuộn	150	21,500	3,225,000	Tianjin Grand Paper Industry Co.,Ltd	Trung Quốc	IB2500632442	Bệnh viện Đa khoa Bá Thước	85/QĐ-BVBT	02/25/2026	21,500
12	Giấy điện tim 6 cần	Giấy điện tim 6 cần 110mm x 140mm x 200 sheets	Xấp	Kích thước: 110mm x 140mm x 200 sheets (dạng xấp) - Sọc lưới: đỏ, cam... Dùng cho máy điện tim 6 cần FUKUDA	Xấp	150	34,200	5,130,000	Tianjin Grand Paper Industry Co.,Ltd	Trung Quốc	IB2600448848	Bệnh viện đa khoa khu vực Bố Trạch	2354/QĐ-BVĐK	09/11/2026	34,200
13	Gel Siêu âm	Megasonic Blue	Can / 5 lít	Dùng được cho các loại máy siêu âm	Can	40	149,940	5,997,600	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ H VÀ X	Việt Nam	IB2600354684	Trung tâm y tế Krông Ana	191/QĐ-TTYT	14/8/2026	149,940

14	Bơm tiêm 5ml	Bơm tiêm sử dụng một lần VINAHANKOOK - 5ml/cc	Hộp/100 cái	Nhựa y tế nguyên sinh. Pít tông có khía bẻ gãy để hủy. Gioăng hình nón giúp đuổi khí dễ dàng. Dung tích chia độ tổng cộng 6ml, vạch chia ≤ 0.2ml,	cái	14,000	1,092	15,288,000	Vinahankook	Việt Nam	IB2600354684	Trung tâm y tế Krông Ana	191/QĐ-TTYT	14/8/2026	1,092
15	Ống nghiệm xanh EDTA	Ống nghiệm EDTA K2 HTM 2ml nắp xanh dương, mous thấp	Hộp/100 ống, Thùng/2.400 ống	Ống nghiệm nhựa, kích thước 13 x 75 mm, dung tích tối đa 6 ml , nắp nhựa màu xanh dương. * Hóa chất bên trong là Ethylenediaminetetraacetic Acid (EDTA) K2/ K3 có vạch lấy mẫu 2 ml	ống	10,000	1,197	11,970,000	Hồng Thiện Mỹ	Việt Nam	IB2600354684	Trung tâm y tế Krông Ana	191/QĐ-TTYT	14/8/2026	1,197
16	Bông hút nước	Bông y tế hút nước	Kg	100% sợi cotton từ bông xơ tự nhiên, các thớ bông xếp theo một chiều.	kg	12	193,473	2,321,676	Châu Ngọc Thạch	Việt Nam	IB2600354684	Trung tâm y tế Krông Ana	191/QĐ-TTYT	14/8/2026	193,473
17	Cồn 70 độ	CỒN 70 ĐỘ (ETHANOL)	Chai/1 lít	Cồn sát khuẩn 70 độ	Lit	200	44,982	8,996,400	Công ty TNHH sản xuất và thương mại Y tế BIDUPHAR	Việt Nam	IB2600354684	Trung tâm y tế Krông Ana	191/QĐ-TTYT	14/8/2026	44,982
18	Băng keo Urgo	Băng keo lụa y tế Durapore 1,25 x 9,1m	Hộp 24 cuộn	1,25cm x 9,1m. Nền vải lụa acetate taffeta	cuộn	24	31,983	767,592	3M Deutschland GmbH Health Care Business	Đức	IB2600354684	Trung tâm y tế Krông Ana	191/QĐ-TTYT	14/8/2026	31,983
19	Khẩu trang	Khẩu trang y tế 3 lớp	Hộp 50 cái	3 lớp vải không dệt, không tiệt trùng	cái	10000	1,281	12,810,000	Bông Bạch Tuyết	Việt Nam	IB2600354684	Trung tâm y tế Krông Ana	191/QĐ-TTYT	14/8/2026	1,281
20	Que đè lưỡi gỗ	Que đè lưỡi gỗ Tanaphar	Hộp 100 cái	Gỗ tự nhiên, thớ mịn, đồng nhất, không lõi, không cong vênh. Đạt độ cứng, nhẵn cao, an toàn trong sử dụng.	cái	30000	379	11,370,000	Tanaphar	Việt nam	IB2600265433	CÔNG AN TỈNH ĐẮK LẮK	2208/QĐ-CAT	07/02/2026	379
21	Găng tay y tế tiệt trùng có bột	Găng tay khám y tế có bột	Hộp 50 đôi	Kích cỡ : XS, S, M, L;có bột	đôi	2000	2,184	4,368,000	TG Medical SDN BHD	Malaysia	IB2600354684	Trung tâm y tế Krông Ana	191/QĐ-TTYT	14/8/2026	2,184
TỔNG: 21 khoản								**366,188,118**							